



VN-Index tăng 0,7%

Ngày báo cáo 08/12/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 0,7%

VN-Index ghi nhận mức tăng 0,7% (+12,4 điểm) trong phiên thứ Hai, đóng cửa tại 1.753,7 điểm. Mặc dù áp lực điều chỉnh diện rộng xuất hiện ở hầu hết các cổ phiếu vốn hóa lớn, chỉ số chung vẫn duy trì sắc xanh nhờ lực đỡ từ VIC (+6,9%) và các công ty con gồm VHM (+2,8%) và VPL (+2,2%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía giảm với 216 mã đỏ, 87 mã xanh và 42 mã đi ngang. Thanh khoản giảm so với phiên trước, đạt 21,5 nghìn tỷ đồng.

- Tại nhóm bất động sản, VIC và VHM bứt phá mạnh mẽ, trái ngược với diễn biến tiêu cực tại VRE (-2,5%), KDH (-1,6%), KBC (-2,4%) và NVL (-1,0%).
- Cổ phiếu nhóm công nghiệp chịu áp lực bán mạnh, với các mức giảm đáng chú ý tại GEE (-1,8%), GEX (-4,2%), GMD (-2,5%), VGC (-1,9%), BMP (-2,6%) và VTP (-1,4%).
- Đối với nhóm ngân hàng, đà giảm ghi nhận tại LPB (-3,7%), TCB (-1,4%), VCB (-0,7%), CTG (-0,8%) và BID (-0,8%), trong khi MBB (+0,6%) là điểm sáng hiếm hoi đi ngược xu hướng.
- Ở các lĩnh vực khác, những mã giảm điểm đáng chú ý bao gồm các mã vốn hóa lớn ngành cao su GVR (-1,6%), hàng không HVN (-1,4%), bán lẻ FRT (-1,7%), công nghệ FPT (-0,7%) và dầu khí BSR (-2,0%). Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu tăng điểm tích cực gồm SAB (+6,8%), PLX (+4,8%) và GAS (+2,2%).

Điểm tin

- Lũ lụt tiếp tục ảnh hưởng tới doanh thu bán lẻ và lạm phát
- DGC: Kế hoạch tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2025
- FPT dự kiến mua tối đa 10% cổ phần tại Blueward (công ty tư vấn SAP, dịch vụ CNTT của Hàn Quốc) trước cuối năm 2027
- VIC phát hành 325 triệu USD trái phiếu hoán đổi quốc tế (EB) lãi suất 5,5%, đáo hạn năm 2030
- VIC/VinSpeed được chấp thuận chủ trương đầu tư tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1753,7	258,7	119,9
% Δ	0,7%	-0,8%	-0,5%
- % Δ 1 tuần	3,1%	0,3%	0,6%
- % YTD	38,4%	13,7%	26,1%
- % YOY	38,1%	13,0%	29,2%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$816,7	\$44,5	\$20,6
- TB 1 tháng (triệu)	\$847,2	\$55,1	\$22,4
- TB 1 năm (triệu)	\$981,9	\$70,4	\$33,1
- TB QTD	\$1.059,5	\$77,4	\$23,2
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-29,4%	-34,8%	-47,2%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$74,5	\$0,7	\$0,6
- Bán (triệu)	\$145,8	\$2,4	\$1,4
- GT ròng (triệu)	-\$71,4	-\$1,7	-\$0,8
Độ rộng TT			
Mã tăng	112	52	155
Mã giảm	224	95	168
Không đổi	82	160	583
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	296,3	17,0	57,3
P/E trượt 12T	15,4	19,5	14,8
LS cổ tức*	2,6%	4,1%	5,2%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.984,0	36.791	1.444,4
VN30F2M	1.981,4	1.305	4,7
VN30F1Q	1.976,3	412	0,2
VN30F2Q	1.975,0	229	0,1
VN100F1M	1.871,0	53	0,1
VN100F2M	1.872,0	8	0,0
VN100F1Q	1.868,2	12	0,1
VN100F2Q	1.863,0	24	0,1
USD/VND			
		26.363	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Báo cáo trong ngày

- SSI: Triển vọng GTGDTBN đạt mức cao; thúc đẩy mạnh mẽ cho vay kỳ quỹ - Cập nhật
- STB: Áp lực tái cơ cấu trong ngắn hạn; lợi nhuận bất thường lớn trong năm 2027 - Cập nhật

Quan điểm kỹ thuật

Về quan điểm kỹ thuật, chúng tôi cho rằng việc loại trừ hoặc không loại trừ tác động của nhóm VIC, VHM, VPL đều không ảnh hưởng đến tín hiệu trên VN-Index. Sự vận động của các nhóm ngành khác (Ngân hàng, Bất động sản,...) trong 2 phiên gần đây cho thấy chỉ số thỏa mãn đầy đủ tính chất của phiên giao dịch củng cố và vùng 1.770 điểm sẽ là mục tiêu tiếp theo. Hỗ trợ trong ngày được nâng lên quanh vùng 1.740 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

Lũ lụt tiếp tục ảnh hưởng tới doanh thu bán lẻ và lạm phát

Vào ngày 6/12/2025, Cục Thống kê (CTK) đã công bố các dữ liệu kinh tế quan trọng của tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2025 (11T 2025), với các điểm chính sau:

* Sản xuất công nghiệp: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh, tăng 10,8% YoY trong tháng 11 (tháng 11/2024: +8,0% YoY). Trong 11T 2025, IIP đã tăng 9,3% YoY (11T 2024: +8,4%). Trong đó, IIP ngành chế biến & chế tạo đã tăng 10,6% YoY (11T 2024: +9,7%).

* Doanh thu bán lẻ: Cơ bản số 13 và tình trạng ngập lụt nghiêm trọng sau bão tại khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ tiếp tục làm gián đoạn hoạt động tiêu dùng và chuỗi cung ứng. Cụ thể, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chỉ tăng 7,1% YoY trong tháng 11 (tháng 11/2024: +9,6% YoY). Tuy nhiên, tổng doanh thu bán lẻ 11T 2025 vẫn duy trì đà tăng ổn định, với mức tăng 9,1% YoY (11T 2024: +8,9% YoY); trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú & ăn uống tăng 14,6%, và du lịch tăng 19,9%, trong khi doanh thu bán lẻ hàng hóa chỉ tăng 7,9% YoY.

* Du lịch: Lượng khách quốc tế tăng 15,6% YoY lên 2,0 triệu lượt khách trong tháng 11, qua đó đưa tổng lượng khách trong 11T 2025 lên 19,1 triệu lượt (+20,9% YoY), tương đương 117,5% mức trước đại dịch (11T 2019). Lượng khách từ Trung Quốc đạt 91,4% so với mức trước đại dịch, trong khi các thị trường khác đạt 129,9%.

* Thương mại: Kim ngạch xuất khẩu tăng 15,1% YoY lên 39,1 tỷ USD trong tháng 11, trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 16,0% YoY lên 38,0 tỷ USD, dẫn đến mức thặng dư thương mại 1,1 tỷ USD. Trong 11T 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt đạt 430 tỷ USD (+16,1% YoY) và 410 tỷ USD (+18,4% YoY), dẫn đến mức thặng dư 20,5 tỷ USD (so với 24,4 tỷ USD trong 11T 2024).

* Cán cân ngân sách: Thu Ngân sách Nhà nước đạt 2,4 triệu tỷ VND trong 11T 2025 (+30,9% YoY), tương đương 121,9% kế hoạch năm, được thúc đẩy bởi đà tăng trưởng mạnh của thu nội địa (+35,2% YoY). Chi Ngân sách Nhà nước tăng 32,5% YoY lên 2,0 triệu tỷ VND, hoàn thành 79,5% kế hoạch, dẫn đến thặng dư ngân sách 348 nghìn tỷ VND (11T 2024: +248 nghìn tỷ VND). Đáng chú ý, chi đầu tư phát triển tăng 39,2% YoY lên 553 nghìn tỷ VND, hoàn thành 70% kế hoạch năm (so với mức trung bình 5 năm của giai đoạn 11 tháng là 64,3%).

* Lạm phát: CPI tăng 0,45% MoM và 3,58% YoY trong tháng 11. CPI bình quân 11T 2025 tăng 3,29% YoY (11T 2024: +3,69%). Lạm phát chủ yếu được thúc đẩy bởi giá thực phẩm tăng tại các tỉnh bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, cùng với mức tăng 2,4% của giá xăng dầu trong nước.

* Chúng tôi kỳ vọng hoạt động tiêu dùng sẽ phục hồi trong tháng 12 khi tiêu dùng có thể tăng trở lại sau các đợt bão và lũ lụt vừa qua và sự hỗ trợ từ Chính phủ trong việc tái thiết và sửa chữa nhà ở cho người dân. Ngoài ra, lượng đơn hàng mới tiếp tục cải thiện (theo báo cáo PMI mới nhất) sẽ tiếp tục hỗ trợ hoạt động xuất khẩu và sản xuất trong những tháng tới. Đồng thời, Chính phủ có khả năng sẽ đẩy nhanh giải ngân đầu tư công để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng trên 8% trong năm 2025.

DGC: Kế hoạch tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2025

* CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC) dự kiến sẽ thực hiện tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2025 ở mức 3.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất 3,2%).

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 24/12/2025

- Ngày thanh toán: 15/01/2026

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với DGC với giá mục tiêu là 118.000 đồng/cổ phiếu.

FPT dự kiến mua tối đa 10% cổ phần tại Blueward (công ty tư vấn SAP, dịch vụ CNTT của Hàn Quốc) trước cuối năm 2027

* FPT và Blueward (công ty tư vấn SAP và cung cấp dịch vụ CNTT độc lập tại Hàn Quốc) đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược dài hạn, theo đó FPT dự tính mua tối đa 10% cổ phần của Blueward thông qua công ty con tại Hàn Quốc. FPT dự kiến bắt đầu với việc mua cổ phần ở mức một chữ số trong năm 2025 và sẽ tăng dần lên 10% vào cuối năm 2027, trước IPO của Blueward dự kiến vào năm 2028. Thỏa thuận hợp tác này giúp FPT tận dụng được năng lực tư vấn SAP ERP chuyên sâu, mạng lưới khách hàng rộng và hiểu biết về hệ thống doanh nghiệp của Blueward. Ngoài SAP ERP, hai bên cũng sẽ mở rộng hợp tác sang mảng tài chính và thị trường vốn, kết hợp thế mạnh tư vấn tài chính của Blueward với năng lực dữ liệu, AI và điện toán đám mây của FPT nhằm cung cấp giải pháp toàn diện cho các nền tảng môi giới, bù trừ & thanh toán, quản trị rủi ro, giám sát thị trường và báo cáo theo chuẩn mực IFRS.

* Chúng tôi cho rằng thương vụ mua lại này là một bước đi chiến lược, giúp FPT củng cố chuyên môn trong mảng SAP ERP và mở rộng tệp khách hàng tại Hàn Quốc, phù hợp với mục tiêu đẩy mạnh quy mô mảng dịch vụ CNTT nước ngoài.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA cho FPT với giá mục tiêu là 116.600 đồng/cổ phiếu.

VIC phát hành 325 triệu USD trái phiếu hoán đổi quốc tế (EB) lãi suất 5,5%, đáo hạn năm 2030

* Theo VIC, công ty đã hoàn tất phát hành tổng cộng 325 triệu USD trái phiếu hoán đổi quốc tế (EB), đáo hạn năm 2030.

* Khoản EB này có quyền chọn hoán đổi sang cổ phiếu VPL (Vinpearl) hiện hữu do VIC sở hữu. Trái phiếu trên có lãi suất coupon là 5,5%/năm, thấp hơn so với hai đợt phát hành trái phiếu quốc tế trước của VIC và Vinpearl vào giai đoạn 2023-2024, tại mức lãi suất coupon là 9,5%-10%. Giá hoán đổi ban đầu là 124.800 đồng/cổ phiếu VPL (cao hơn 20% so với giá tham chiếu ngày 08/12 là 104.000 đồng).

* Nguồn thu huy động từ EB này sẽ dùng để tái cơ cấu các khoản nợ vay nước ngoài và tài trợ cho các dự án đầu tư.

VIC/VinSpeed được chấp thuận chủ trương đầu tư tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ

- * VinSpeed đã nhận được quyết định của UBND TP. HCM chấp thuận chủ trương đầu tư cho tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ. Đây là sự phê duyệt chính thức và củng cố cho kế hoạch của TP.HCM trong việc tổ chức lễ khởi công tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ vào ngày 19/12.
- * Tổng mức đầu tư sơ bộ: Khoảng 102,43 nghìn tỷ đồng (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng do nguồn Ngân sách Nhà nước đảm bảo), với cơ cấu vốn gồm 15% vốn góp chủ sở hữu từ VinSpeed và 85% từ vốn vay ngân hàng và các hình thức hợp pháp khác.
- * Nhận định của chúng tôi: Khi tuyến metro đi vào vận hành, thời gian di chuyển từ Quận 1 đến Cần Giờ dự kiến sẽ rút ngắn đáng kể từ mức hiện tại là khoảng 2 giờ. Việc kết nối giao thông cải thiện sẽ gia tăng sức hấp dẫn của dự án Vinhomes Green Paradise, qua đó hỗ trợ cho triển vọng về doanh số bán hàng của dự án.

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

SSI: Triển vọng GTGDTBN đạt mức cao; thúc đẩy mạnh mẽ cho vay ký quỹ - Cập nhật

Ngành	Chứng khoán		2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	08/12/2025	TT doanh thu	19,6%	33,9%	16,5%	10,1%
Giá hiện tại	36.650 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	2.835	4.092	5.241	6.062
Giá mục tiêu	38.600 VND	TT LNST	23,6%	44,3%	28,1%	15,7%
Giá mục tiêu gần nhất	40.800 VND	TT EPS	5,7%	28,8%	9,4%	11,4%
TL tăng	17,6%	Biên LN gộp	61,5%	64,3%	67,4%	68,8%
Lợi suất cổ tức	3,0%	Biên LN ròng	33,2%	35,7%	39,1%	41,1%
Tổng mức sinh lời	20,7%	P/B	2,4x	2,1x	2,0x	1,8x
Khuyến nghị	MUA	P/E	25,2x	19,5x	17,9x	16,0x
			SSI			
GT vốn hóa	68,6 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	18,9x			
Room KN	31,2 nghìn tỷ đồng	P/B (hiện tại)	2,2x			
GTGD/ngày (30n)	936 tỷ đồng	ROE	16,0%			
Cổ phần Nhà nước	0%	ROA	6,3%			
SL cổ phiếu lưu hành	2,078 tỷ	Nợ ròng/VCSH	208%			
Pha loãng*	2,493 tỷ		111%			
			VNI			
			16,9x			
			2,1x			
			13,5%			
			2,0%			
			N/A			

- * Chúng tôi điều chỉnh giảm 5,4% giá mục tiêu cho SSI xuống 38.600 đồng/CP nhưng nâng khuyến nghị từ KHẢ QUAN lên MUA, do giá cổ phiếu SSI đã giảm 21,9% trong 2 tháng qua. Mức giảm trong giá mục tiêu chủ yếu đến từ (1) đợt phát hành quyền mua cổ phiếu tỷ lệ 20% với mức giá chiết khấu (15.000 đồng/CP) vào tháng 1/2026, sẽ pha loãng giá cổ phiếu và (2) việc chúng tôi điều chỉnh giảm 12,2% dự báo LNST giai đoạn 2025–2029 (lần lượt -11,5%/-16,6%/-9,2%/-10,6%/-13,0% trong năm 2025/26/27/28/29), lần 4 tác động tích cực từ việc (3) chúng tôi cập nhật giá mục tiêu sang cuối năm 2026.
- * SSI ghi nhận KQKD tích cực trong việc thu hút khách hàng mới trong 9T 2025, vượt trội so với nhóm 10 công ty chứng khoán hàng đầu khi thị phần môi giới hợp nhất trên cả 3 sàn tăng từ mức 8,4% trong năm 2024 lên mức 11,2%. Tuy nhiên, chúng tôi ghi nhận phí môi giới trung bình của SSI đang có xu hướng giảm, nhiều khả năng là một phần trong chiến lược hỗ trợ mở rộng tệp khách hàng. Trong bối cảnh cạnh tranh môi giới ngày càng gay gắt, chúng tôi đã điều chỉnh giảm giá định phí môi giới trung bình của SSI từ 0,15% xuống 0,13%.
- * Đối với kế hoạch huy động vốn của SSI, công ty đã hoàn tất chào bán riêng lẻ 104 triệu cổ phiếu vào tháng 9/2025, thu về 3,2 nghìn tỷ đồng. Công ty cũng đã công bố kế hoạch phát hành quyền mua cổ phiếu tỷ lệ 20% trong tháng 12/2025, từ đó, chúng tôi ước tính đợt phát hành này sẽ giúp tăng thêm khoảng 6,2 nghìn tỷ đồng vốn chủ sở hữu trong quý 1/2026, qua đó mở rộng dư địa cho hoạt động cho vay ký quỹ và đầu tư, đồng thời giúp SSI duy trì vị thế dẫn đầu về quy mô vốn chủ sở hữu trong số các công ty chứng khoán Việt Nam.

* Yếu tố hỗ trợ: Giá trị giao dịch thị trường và hoạt động cho vay kỳ quỹ cao hơn kỳ vọng; hệ số P/B của SSI có thể tái định giá lên mức 4,0x - tương đương vùng đỉnh chu kỳ năm 2022 - so với P/B mục tiêu hiện tại của chúng tôi là 3,0x. Với P/B đạt 4,0x, cổ phiếu sẽ có tiềm năng điều chỉnh tăng 48,1%.

STB: Áp lực tái cơ cấu trong ngắn hạn; lợi nhuận bất thường lớn trong năm 2027 - Cập nhật

Ngành	Ngân hàng		2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	08/12/2025	TT LN trước dự phòng	10,6%	12,5%	12,3%	107,3%
Giá hiện tại	49.000 VND	TT LNST	30,7%	12,4%	14,1%	157,9%
Giá mục tiêu*	55.400 VND	TT EPS	33,7%	12,4%	14,1%	157,9%
TL tăng	13,1%	NIM	3,72%	3,33%	3,04%	4,40%
Lợi suất cổ tức	0,0%	Nợ xấu	2,40%	2,90%	2,70%	2,30%
Tổng mức sinh lời	13,1%	Chi phí/thu nhập	48,8%	46,3%	44,6%	29,0%
Khuyến nghị	KHẢ QUAN	P/B	1,7x	1,4x	1,2x	0,9x
		P/E	10,1x	9,0x	7,9x	3,1x
GT vốn hóa	95 nghìn tỷ đồng			STB	Peers	VNI
Room KN	14,1 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		8,5x	9,7x	16,9x
GTGD/ngày (30n)	806 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,5x	1,5x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROA		1,6%	1,8%	2,0%
SL cổ phiếu lưu hành	1,885 tỷ	ROE		21,6%	17,6%	13,5%
Pha loãng	1,885 tỷ					

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 11,2% giá mục tiêu cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB) xuống 55.400 đồng/CP và duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN, trong bối cảnh giá cổ phiếu STB đã giảm 19,6% trong 2 tháng qua.

* Mức giảm trong giá mục tiêu chủ yếu đến từ (1) mức giảm 11,7% trong dự báo LNST giai đoạn 2025-2029 (lần lượt -19,2%/-50,9%/+25,6%/-0,1%/-15,4% trong năm 2025/26/27/28/29), và (2) tác động tiêu cực từ việc hoãn thời điểm ghi nhận tiền của thương vụ bán 32,5% cổ phần từ năm 2026 sang 2027, do chậm trễ trong việc nhận được phê duyệt từ NHNN. Các yếu tố này lần át tác động tích cực từ việc chúng tôi cập nhật giá mục tiêu đến cuối năm 2026.

* Đối với tiến độ bán cổ phần, theo STB, việc chậm nhận được phản hồi từ NHNN là do quá trình tái cơ cấu nội bộ tại ngân hàng trung ương. Ngân hàng hiện kỳ vọng sẽ nhận được phản hồi cuối từ NHNN trong nửa cuối năm 2026. Do vậy, chúng tôi dự báo lợi nhuận bất thường từ thương vụ bán cổ phần sẽ được ghi nhận trong năm 2027.

* Chúng tôi duy trì giả định giá bán 32,5% cổ phần là 32.750 đồng/CP, dựa trên khoản thu hồi 6,6 nghìn tỷ đồng tiền gốc và 13,4 nghìn tỷ đồng tiền lãi từ các khoản nợ xấu đã thế chấp.

* Rủi ro: Tỷ lệ nợ xấu cao hơn dự kiến; NIM thấp hơn dự kiến; tiến trình xử lý 32,5% cổ phần thế chấp tại VAMC kéo dài hơn dự kiến.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
VGC	KCN	43%	735	1,7	43.250	64.100	48%	5,1%	53%	MUA	21/10/25	17,8	12,4	16,5	2,1
STK	Dệt may	83%	89	0,0	16.750	25.500	52%	0,0%	52%	KQ	17/01/25	20,1	11,3	14,5	1,3
IDC	KCN	32%	543	4,4	37.700	54.000	43%	5,3%	49%	MUA	26/11/25	8,8	7,6	21,4	2,2
NLG	Bất động sản	5%	660	2,3	35.850	52.100	45%	1,1%	46%	MUA	07/11/25	20,3	25,2	21,4	1,8
KDH	Bất động sản	14%	1.421	7,3	33.400	48.500	45%	0,0%	45%	MUA	12/11/25	38,7	22,8	21,4	2,1
DCM	Phân bón	44%	679	2,2	33.800	46.600	38%	5,9%	44%	MUA	17/09/25	9,5	7,7	14,5	1,7
SZC	KCN	18%	207	0,7	30.350	42.400	40%	3,3%	43%	KQ	01/07/25	18,8	15,5	21,4	1,7
SSI	Chứng khoán	66%	2.777	36,4	29.400	40.800	39%	3,4%	42%	KQ	27/08/25	15,3	11,8	18,9	2,4
SIP	KCN	44%	503	1,1	54.800	73.900	35%	3,6%	39%	MUA	18/06/25	11,8	11,1	21,4	2,6
ACB	Ngân hàng	0%	4.714	8,7	24.200	33.300	38%	0,0%	38%	MUA	11/11/25	7,0	6,0	10,7	1,4
DXS	Bất động sản	29%	219	0,6	9.960	13.600	37%	0,0%	37%	MUA	05/12/25	14,1	11,4	21,4	0,9
HPG	VLXD	27%	7.786	31,4	26.750	35.700	33%	3,0%	36%	MUA	10/11/25	13,3	9,8	14,7	1,6
NVL	Bất động sản	42%	1.141	7,4	14.700	20.000	36%	0,0%	36%	MUA	01/10/25	-39,2	82,1	21,4	0,8
GMD	GTVT	9%	962	4,4	59.500	78.200	31%	3,7%	35%	MUA	21/11/25	18,0	13,5	14,1	2,0
TCB	Ngân hàng	0%	9.190	16,7	34.200	44.800	31%	3,5%	35%	MUA	07/11/25	9,4	7,8	10,7	1,5
ACG	Gỗ	11%	203	0,0	35.500	45.800	29%	4,8%	34%	MUA	15/07/25	9,8	8,8	14,7	1,2
BMP	VLXD	14%	484	0,7	155.900	192.500	23%	10,3%	34%	MUA	12/11/25	9,7	9,1	16,5	4,1
SCS	DV Hàng không	14%	198	0,7	54.900	67.000	22%	10,9%	33%	KQ	29/05/25	7,6	7,4	17,7	3,3
PVS	Dầu khí	34%	617	6,5	31.800	42.100	32%	0,0%	32%	MUA	27/10/25	16,6	13,9	21,2	1,1
DPG	Điện & Nước	41%	163	0,9	42.700	55.200	29%	2,3%	32%	MUA	04/09/25	12,6	5,6	16,5	2,0
DPM	Phân bón	42%	597	3,4	23.150	29.000	25%	5,2%	30%	KQ	17/09/25	17,5	12,7	14,5	1,4
MBB	Ngân hàng	0%	7.728	20,5	25.300	32.500	28%	2,0%	30%	MUA	24/11/25	8,1	6,4	10,7	1,6
HVN	Hàng không	21%	3.357	1,1	28.450	37.100	30%	0,0%	30%	KQ	22/07/25	7,4	10,2	17,7	15,8
PPC	Điện & Nước	40%	121	0,1	9.980	12.400	24%	6,0%	30%	PHTT	02/06/25	13,7	6,0	12,8	0,7
DXG	Bất động sản	26%	713	9,9	18.450	24.000	30%	0,0%	30%	MUA	05/12/25	69,1	42,6	21,4	1,5

MSN	Bán lẻ	24%	4.271	17,8	77.900	101.200	30%	0,0%	30%	MUA	21/05/25	41,4	26,5	14,1	3,3
VPB	Ngân hàng	6%	8.936	21,2	29.700	38.000	28%	1,7%	30%	MUA	19/11/25	10,6	7,7	10,7	1,5
PNJ	Bán lẻ	0%	1.157	1,4	89.400	113.500	27%	2,2%	29%	MUA	07/11/25	13,1	12,0	11,0	2,5
DGC	Công nghiệp	34%	1.354	8,5	94.000	118.000	26%	3,2%	29%	MUA	07/11/25	11,2	9,6	14,5	2,3
VCB	Ngân hàng	8%	18.346	7,7	57.900	73.500	27%	1,4%	28%	MUA	10/11/25	14,9	13,3	10,7	2,2
STB	Ngân hàng	9%	3.482	20,3	48.700	62.400	28%	0,0%	28%	KQ	25/08/25	7,2	3,8	10,7	1,5
PLC	Dầu khí	48%	79	0,1	25.800	31.900	24%	3,9%	28%	MUA	12/09/25	16,5	8,3	14,5	1,6
BWE	Điện & Nước	39%	384	0,2	46.000	57.300	25%	2,8%	27%	MUA	11/11/25	14,1	11,2	12,8	1,8
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	630	0,2	45.100	53.400	18%	8,9%	27%	KQ	30/08/24	6,5	6,5	14,8	1,7
CTG	Ngân hàng	3%	10.406	14,1	51.100	65.000	27%	0,0%	27%	MUA	17/11/25	10,3	8,8	10,7	1,6
QTP	Điện & Nước	48%	217	0,1	12.800	15.000	17%	9,4%	27%	MUA	02/06/25	9,8	9,1	12,8	1,1
KBC	KCN	31%	1.212	5,1	33.950	42.500	25%	0,0%	25%	MUA	24/11/25	18,5	10,8	21,4	1,3
REE	Điện & Nước	0%	1.302	1,0	63.400	78.200	23%	1,6%	25%	MUA	03/11/25	13,1	10,9	14,1	1,7
FPT	CNTT	8%	6.169	27,0	95.500	116.600	22%	2,4%	25%	MUA	22/10/25	17,8	15,5	15,5	4,6
TV2	Điện & Nước	5%	93	0,3	36.150	43.900	21%	2,8%	24%	MUA	18/09/25	57,1	14,4	14,1	1,9
BMI	Bảo hiểm	19%	109	0,3	19.100	23.100	21%	2,6%	24%	MUA	12/04/24	8,8	7,6	14,5	1,0
BID	Ngân hàng	12%	9.985	2,6	37.500	46.100	23%	0,0%	23%	MUA	17/11/25	11,5	10,9	10,7	1,6
GEX	Điện & Nước	42%	1.475	21,1	43.100	52.300	21%	1,2%	23%	PHTT	21/08/25	25,6	22,4	14,1	2,4
NT2	Điện & Nước	37%	260	1,0	23.850	27.200	14%	8,4%	22%	MUA	21/10/25	8,8	7,9	12,8	1,5
HDG	Điện & Nước	31%	427	2,9	30.400	37.000	22%	0,0%	22%	KQ	17/11/25	16,3	8,9	21,4	1,7
ACV	Hàng không	46%	7.322	2,1	53.400	64.600	21%	0,0%	21%	KQ	19/11/25	17,8	24,1	14,1	2,9
DHC	Công nghiệp	13%	122	0,4	33.300	39.100	17%	3,3%	21%	MUA	21/08/25	9,9	9,0	14,7	1,5
PC1	Điện & Nước	33%	349	2,4	22.400	27.000	21%	0,0%	21%	MUA	05/11/25	14,2	11,4	16,5	1,5
PHR	Công nghiệp	34%	294	0,5	57.200	67.400	18%	2,4%	20%	KQ	25/06/25	15,7	10,6	14,5	1,9
GAS	Dầu khí	47%	5.984	2,2	65.400	76.100	16%	3,8%	20%	MUA	12/11/25	13,1	12,4	12,8	2,4
MWG	Bán lẻ	1%	4.760	19,2	84.900	101.000	19%	1,2%	20%	MUA	14/10/25	19,1	15,0	14,3	4,0
PVT	Dầu khí	39%	328	2,8	18.400	22.100	20%	0,0%	20%	MUA	06/11/25	8,8	7,1	14,1	1,0
CTR	CNTT	40%	371	1,7	85.500	100.400	17%	2,3%	20%	KQ	12/09/25	22,1	19,0	16,5	4,5
OIL	Dầu khí	1%	415	0,3	10.800	12.700	18%	0,9%	19%	KQ	17/10/25	135,0	23,8	21,2	1,0

SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.587	2,7	53.200	58.000	9%	9,4%	18%	MUA	10/09/25	15,8	15,0	14,8	3,0
PLX	Xăng dầu	3%	1.737	2,1	36.050	41.100	14%	3,3%	17%	MUA	13/10/25	20,1	15,7	21,2	1,8
GVR	Công nghiệp	12%	4.088	2,7	26.950	31.200	16%	1,5%	17%	PHTT	04/07/25	25,1	22,6	14,5	1,9
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	5.033	13,5	63.500	70.300	11%	6,3%	17%	MUA	24/04/25	15,9	15,1	14,8	3,9
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	478	2,6	56.100	63.500	13%	3,6%	17%	KQ	13/10/25	9,3	8,4	14,8	1,3
FRT	Bán lẻ	16%	1.016	3,4	157.300	178.800	14%	0,6%	14%	MUA	13/11/25	36,1	23,8	14,3	8,7
PVD	Dầu khí	43%	545	16,0	25.850	29.000	12%	0,0%	12%	MUA	05/11/25	19,0	14,2	21,2	0,9
AST	DV Hàng không	5%	128	0,0	75.200	80.600	7%	4,7%	12%	MUA	26/08/25	15,6	13,1	14,3	5,3
VHM	Bất động sản	39%	17.134	19,7	110.000	118.900	8%	0,0%	8%	KQ	05/12/25	11,7	10,9	21,4	2,1
DGW	Bán lẻ	30%	356	3,7	42.500	45.400	7%	1,2%	8%	PHTT	18/11/25	17,7	15,2	14,3	2,9
HDB	Ngân hàng	1%	4.793	23,8	32.750	34.000	4%	3,1%	7%	KQ	08/09/25	7,1	6,0	10,7	1,9
PTB	Công nghiệp	12%	130	0,3	51.200	52.000	2%	4,1%	6%	KQ	06/10/25	9,1	8,9	14,7	1,1
MCH	Bán lẻ	33%	8.604	5,6	214.700	220.800	3%	2,8%	6%	PHTT	28/11/25	35,3	29,7	14,8	14,2
BVH	Bảo hiểm	22%	1.565	0,8	55.600	56.900	2%	1,6%	4%	KQ	26/05/25	15,7	13,2	14,5	1,7
HDC	Bất động sản	46%	198	2,6	26.100	27.100	4%	0,0%	4%	KQ	21/03/25	30,4	17,6	21,4	1,8
VEA	Ô-tô	47%	1.751	0,9	34.700	30.800	-11%	13,9%	3%	PHTT	28/10/25	6,0	6,5	14,1	1,5
TDM	Điện & Nước	48%	244	0,1	58.000	58.100	0%	2,4%	3%	PHTT	11/11/25	35,1	45,2	12,8	2,5
VIB	Ngân hàng	0%	2.369	4,4	18.350	18.500	1%	0,0%	1%	KQ	23/05/25	8,1	7,0	10,7	1,4
POW	Điện & Nước	45%	1.314	5,9	14.800	14.800	0%	0,0%	0%	KQ	02/06/25	27,7	18,6	12,8	1,0
VRE	Bất động sản	31%	2.839	11,6	32.950	32.000	-3%	0,0%	-3%	PHTT	05/12/25	11,8	13,8	21,4	1,6
TPB	Ngân hàng	7%	1.809	4,9	17.200	16.500	-4%	0,0%	-4%	MUA	27/05/25	6,9	6,3	10,7	1,2
TLG	Văn phòng phẩm	85%	230	1,0	69.000	61.900	-10%	5,1%	-5%	MUA	12/09/25	12,8	11,2	11,0	2,4
LPB	Ngân hàng	4%	5.245	2,8	46.300	39.300	-15%	2,2%	-13%	KKQ	18/11/25	13,7	12,8	10,7	3,2
HSG	VLXD	41%	389	2,2	16.500	13.500	-18%	3,0%	-15%	PHTT	18/04/25	20,6	17,5	14,7	0,9
BSR	Lọc hóa dầu	49%	2.829	2,0	14.900	12.400	-17%	0,0%	-17%	BÁN	28/08/25	25,1	19,0	21,2	1,3
NKG	VLXD	45%	267	4,3	15.750	13.100	-17%	0,0%	-17%	PHTT	18/04/25	16,5	12,2	14,7	0,9
VTP	GTVT	43%	452	2,1	97.900	69.000	-30%	1,5%	-28%	PHTT	06/09/24	33,7	28,8	14,1	6,8

VIC	Bất động sản	40%	44.623	53,4	152.700	105.000	-31%	0,0%	-31%	BÁN	05/12/25	91,0	83,5	21,4	8,1
VJC	Hàng không	18%	4.631	18,7	206.400	114.000	-45%	0,0%	-45%	KQ	15/03/24	29,8	23,1	17,7	5,0

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	47	127.371	2.710	16	14,9	12,5	10,4	15,7	1,9	24,1	15,8	14,0	2,2	2,8%
KHẢ QUAN	22	52.776	2.399	8	14,2	11,5	10,1	12,6	2,2	22,8	20,7	12,7	2,7	2,3%
PHÙ HỢP TT	11	20.588	1.872	1	19,9	19,1	18,4	19,7	2,7	21,7	21,9	20,0	3,3	3,0%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.245	5.245	0	15,0	13,7	12,8	11,6	3,2	15,0	13,7	12,8	3,2	2,2%
BÁN	2	47.452	23.726	1	93,7	78,7	69,4	54,8	6,2	84,2	58,1	51,2	4,7	0,0%
TỔNG CỘNG	83	253.432	3.053	26	17,9	15,0	12,8	16,4	2,3	24,8	18,9	15,3	2,5	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	87.003	7.250	11	11,6	10,1	8,3	12,3	1,7	11,0	9,6	8,1	1,7	1,1%
Bảo hiểm	2	1.674	837	1	18,7	14,9	12,6	15,4	1,6	16,3	12,2	10,4	1,3	2,1%
Chứng khoán	1	2.777	2.777	1	23,5	15,3	11,8	21,3	2,4	23,5	15,3	11,8	2,4	3,4%
Tiêu dùng	14	37.413	2.672	5	20,2	18,4	16,3	20,9	4,0	25,2	19,2	15,7	4,2	4,3%
Bất động sản	9	68.948	7.661	2	43,7	30,4	28,0	25,5	3,7	42,5	27,6	34,4	2,3	0,1%
Vật liệu	4	8.926	2.231	1	17,2	13,3	10,0	17,2	1,6	15,7	15,0	12,1	1,9	4,1%
Điện & Nước	12	6.350	529	1	22,3	17,4	13,0	20,3	1,5	30,3	20,7	14,3	1,7	3,1%
Dầu khí	10	13.810	1.381	2	19,9	15,8	13,4	17,6	1,6	29,1	28,1	13,5	1,4	2,3%
Công nghiệp	5	1.898	380	0	12,4	11,0	9,5	13,7	1,9	16,7	12,0	9,5	1,5	3,1%
Khu công nghiệp	7	7.583	1.083	1	21,6	18,8	14,9	23,4	1,8	24,5	16,7	12,9	2,0	3,0%
GTVT & Logistics	7	17.050	2.436	1	17,0	15,2	17,8	15,8	4,0	22,9	18,5	17,2	5,9	3,0%
TỔNG CỘNG	83	253.432	3.053	26	17,9	15,0	12,8	16,4	2,3	24,8	18,9	15,3	2,5	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q3 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 9T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	5%	8%	MUA		Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện; sự phục hồi của doanh số bán lẻ dự kiến sẽ thúc đẩy sự phục hồi của NIM
BID	6%	3%	MUA		Tăng trưởng tín dụng khiêm tốn trong quý 3 với NIM vẫn chịu áp lực
CTG	51%	18%	MUA		KQKD xuất sắc với chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện tích cực, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	17%	26%	KQ		NII thấp hơn kỳ vọng; chất lượng tài sản suy giảm
LPB	9%	10%	BÁN		KQKD phù hợp kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng tốt, NIM tiếp tục phục hồi, và chất lượng tài sản ổn định.
MBB	10%	10%	KQ	MUA	Tăng trưởng lợi nhuận cao hơn trong năm 2026 hỗ trợ mức ROE cao
STB	37%	27%	MUA		Đã ghi nhận phần lớn khoản thu từ việc bán nợ tại dự án Phong Phú; tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng mạnh
TCB	2%	17%	KQ		KQKD vững chắc trên mọi phương diện và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
TPB	11%	9%	MUA		NIM tiếp tục chịu áp lực
VCB	5%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng tốt trong quý 3 nhưng NIM vẫn chịu áp lực
VIB	7%	9%	KQ		Mảng cho vay bán lẻ duy trì ở mức yếu; chất lượng tài sản cải thiện
VPB	44%	41%	PHTT	MUA	Tăng trưởng dẫn đầu ngành hỗ trợ định giá hấp dẫn
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	33%	50%	MUA		Lợi nhuận quý 3 năm 2025 phục hồi nhờ cải thiện tỷ lệ kết hợp và thu nhập từ đầu tư.
BVH	37%	23%	KQ		Mảng bảo hiểm nhân thọ thúc đẩy KQKD khả quan trong quý 3
SSI	37%	13%	MUA		Tiếp tục mở rộng thị phần môi giới chứng khoán
Tiêu dùng					
CTR		9%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 16%, dẫn dắt bởi mảng hạ tầng cho thuê và dịch vụ giải pháp năng lượng mặt trời
DGW	28%	18%	PHTT	PHTT	Doanh thu tăng trưởng ở tất cả mảng kinh doanh, ngoại trừ mảng điện thoại di động; thấp hơn kỳ vọng
FPT	19%	16%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 9T 2025 tăng 19% YoY; đã phục hồi trong doanh thu kỷ mới mảng CNTT nước ngoài tiếp tục duy trì trong tháng 9
FRT	145%	134%	MUA	MUA	Long Châu duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ; FPT Shop đảo chiều có lãi ròng trong quý 3/2025
MSN (2)	72%	122%	MUA		Các mảng chính đều đã có lãi, biên lợi nhuận của WCM cải thiện dù mở rộng nhanh
MWG	73%	75%	MUA	MUA	Doanh số mảng điện tử tăng tốc, lợi nhuận mảng tạp hóa cải thiện

PNJ	17%	9%	MUA	MUA	Doanh thu bán lẻ quý 3/2025 tăng 4% YoY, trong khi LNST tăng mạnh 130% YoY từ mức nền thấp; vượt kỳ vọng
QNS	25%	0%	KQ		Mảng sửa đầu nành tiếp tục ghi nhận KQKD khả quan trong khi mảng đường giảm từ mức nền cao
SAB		3%	MUA		Biên lợi nhuận cải thiện mạnh dù sản lượng bia đang chịu áp lực
TLG	11%	3%	MUA		Lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi chi phí SG&A dù doanh thu quý 3 tăng mạnh YoY
VEA		5%	PHTT		Duy trì tăng trưởng lợi nhuận giữa bối cảnh thách thức gia tăng
VHC		10%	MUA	KQ	Tăng trưởng xuất khẩu phi lê đông lạnh đi ngang trong quý 3 do doanh thu thị trường EU tăng bù đắp cho đà giảm tại thị trường Mỹ
VNM	-10%	6%	MUA		Doanh số trong nước phục hồi trong 2 quý liên tiếp, biên lợi nhuận bắt đầu cải thiện
GTVT & Logistics					
ACV	5%	0%	KQ	KQ	Tăng trưởng sản lượng hành khách vững chắc và gánh nặng tỷ giá giảm thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh trong quý 3
AST	75%	51%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng +78% YoY nhờ đóng góp trọn quý đầu tiên của nhà ga T3 TSN và việc chuyển các khoản lỗ tính thuế; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
GMD (2)	10%	-6%	KQ		Lợi nhuận cốt lõi giảm QoQ và YoY do biên lợi nhuận gộp giảm từ nền cao và chi phí tăng mạnh, mặc dù doanh thu tăng vượt kỳ vọng
HVN	15%	13%	PHTT		Lỗi tỷ giá tăng ảnh hưởng lợi nhuận; thoát âm vốn chủ sở hữu
SCS	8%	-1%	KQ		KQKD quý 3 vượt kỳ vọng nhờ ghi nhận thông lượng hàng hóa quốc tế và giá dịch vụ trung bình ở mức cao
VJC	15%	6%	KQ		Mảng vận tải quốc tế dẫn dắt tăng trưởng
VTP		15%	PHTT		Thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến hoạt động mảng dịch vụ, gây áp lực lên lợi nhuận của quý 3/2025
Bất động sản					
DXG	134%	-7%	KQ	MUA	Lợi nhuận trong 9T 2025 tăng trưởng phù hợp kỳ vọng của chúng tôi, được hỗ trợ bởi mảng môi giới phục hồi
DXS	220%	222%	KQ	MUA	Mức tăng mạnh của mảng môi giới thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận trong quý 3/2025
HDC	781%	145%	KQ		Ghi nhận phần lớn lợi nhuận từ việc chuyển nhượng cổ phần dự án Đại Dương trong quý 3
NVL	N.M.	N.M.	MUA		Lợi nhuận từ HĐKD và lỗ ròng quý 3 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng; đẩy mạnh thi công sẽ hỗ trợ bàn giao BĐS trong quý 4
KDH	35%	18%	MUA	MUA	Kỳ vọng khai mở giá trị quỹ đất, tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng lợi nhuận
NLG	2137%	38%	MUA	MUA	Izumi City và Paragon dự kiến sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng mạnh mẽ của doanh số bán BĐS trong năm 2026
VHM	-22%	17%	PHTT		Doanh số bán hàng trong 9T vượt dự báo cả năm nhờ doanh số bán lẻ lớn tích cực tại dự án Green Paradise trong quý 3; lợi nhuận 9T phù hợp với kỳ vọng

VIC	-31%	8%	PHTT		Lợi nhuận mảng BĐS và khách sạn nghỉ dưỡng phù hợp kỳ vọng; khoản lãi từ chuyển nhượng vốn Novatech bù đắp cho khoản lỗ HĐKD cao hơn dự kiến của mảng công nghiệp trong quý 3/2025
VRE	26%	10%	PHTT		Mảng cho thuê bán lẻ tăng trưởng ổn định, thu nhập tài chính và thu nhập khác ghi nhận ở mức cao, thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T 2025
Khu công nghiệp					
GVR	106%	8%	PHTT		Giá bán trung bình của cao su tăng, thu nhập ròng khác ở mức cao thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong 9T 2025
IDC	-10%	-21%	MUA		Mảng BĐS KCN tốt hơn kỳ vọng thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong quý 3/2025
KBC	325%	287%	MUA	MUA	Mở bán Trảng Cát, backlog KCN có thể bàn giao lớn thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận 2026
PHR	35%	19%	KQ		Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA		Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	7%	4%	KQ		KQKD quý 3 kém khả quan do ghi nhận doanh thu từ BĐS KCN và BĐS nhà ở chỉ ở mức thấp
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	-16%	-5%	MUA		KQKD quý 3 thấp hơn kỳ vọng nhẹ do biên lợi nhuận gộp trong nước thấp và chi phí SG&A; một phần được bù đắp bởi doanh thu trong nước cao
BMP	27%	35%	KQ	MUA	Lợi nhuận 2026 dự kiến đạt mức cao kỉ lục mới nhờ chi phí đầu vào thuận lợi
DGC	7%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T 2025 tăng 7% YoY, phù hợp với dự báo; sản lượng quý 3 tăng bù đắp một phần cho giá bán trung bình giảm QoQ
DHC	34%	34%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 29% YoY nhờ giá giấy tăng mạnh
HPG	26%	33%	MUA	MUA	Triển vọng tích cực được hỗ trợ bởi các yếu tố thuận lợi trong nước và quốc tế
HSG (1)	36%	-2%	PHTT		Lợi nhuận quý 4 đảo chiều so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn yếu hơn so với cùng kỳ quý trước
NKG	-64%	-26%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 3 phục hồi QoQ nhờ cắt giảm chi phí, nhưng giảm 24% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm
PTB	34%	10%	KQ		LNST tăng mạnh 65% YoY; mảng đá khả quan, bù đắp cho tác động thuế quan của mảng gỗ
STK	44%	386%	KQ		Lỗi tỷ giá tiếp tục ăn mòn kết quả quý 3, song việc tái cấp vốn khoản vay USD sang VND dự kiến giúp giảm rủi ro tỷ giá trong tương lai
Điện & Nước					
BWE (2)	28%	16%	KQ	BUY	LNST quý 3 khả quan, ghi nhận lãi thoái vốn
GEX	44%	-6%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo quý 3 tăng gấp 6 lần YoY, LNST 9T tăng 44% YoY
HDG	0%	105%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3 tăng gấp đôi nhờ mảng thủy điện vượt kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh tăng

NT2	6703%	875%	MUA	MUA	LNST quý 3 đạt mức cao kỷ lục trong 4 năm qua - tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt
PC1	24%	50%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 gần như tăng gấp đôi nhờ mảng xây lắp điện tăng trưởng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt
POW	74%	30%	KQ		LNST quý 3 tăng gấp đôi YoY, LNST báo cáo 9T 2025 hoàn thành 141% dự báo cả năm, tiềm năng tăng dự báo
PPC	-82%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS 9 tháng giảm 81% YoY do sản lượng thấp đi kèm với chênh lệch giá thu hẹp, thấp hơn kỳ vọng
QTP	-15%	-5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS trong 9T giảm 15% YoY do sản lượng và chênh lệch giá giảm nhẹ; thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng
REE	45%	31%	PHTT	MUA	Mảng thủy điện vượt trội so với kỳ vọng, thúc đẩy tăng trưởng LNST
TDM (2)	-48%	-63%	PHTT	PHTT	Sản lượng Q3 2025 yếu, M&A Biwase Can Tho
TV2	-11%	4%	MUA		Mức lợi nhuận cao từ công ty liên kết thúc đẩy LNST quý 3
DPG	66%	52%	MUA		Sản lượng thủy điện đạt mức cao, thúc đẩy LNST trong 9T/2025, phù hợp với dự báo
VGC	50%	3%	PHTT	MUA	Lượng bàn giao đất KCN thấp hơn dự kiến, mảng VLXD trên đà phục hồi, rủi ro điều chỉnh giảm dự báo
Dầu khí					
BSR	201%	370%	BÁN		Sự phục hồi của KQKD trong quý 3 thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận 9 tháng đầu năm, phù hợp với dự báo
DCM (2)	45%	44%	MUA		LNST gần như tăng gấp ba trong quý 3 nhờ mảng urê tăng mạnh
DPM	51%	101%	KQ		LNST tăng gấp 3.8 lần YoY nhờ sự gia tăng của giá bán trung bình và sự sụt giảm của chi phí khí đầu vào
GAS	19%	18%	KQ	MUA	LNST cốt lõi quý 3 giảm do giá LPG/giá FO ở mức thấp, phù hợp dự báo
OIL (2)	-13%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 3 tăng gấp 4 lần nhờ mức tăng trưởng 12% của sản lượng bán hàng và sự cải thiện của biên lợi nhuận mảng dịch vụ; phù hợp với kỳ vọng
PLX (2)	-9%	-5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp 10 lần YoY nhờ mức tăng 11% của sản lượng bán hàng; phù hợp với kỳ vọng
PLC	331%	193%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 9T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ kết quả tích cực ở tất cả các mảng kinh doanh; tiềm năng tăng nhẹ dự báo
PVD (2)	7%	13%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo trong 9T tăng 36% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	100%	62%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp đôi YoY nhờ doanh thu và thu nhập tài chính ròng tăng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PVT (2)	-9%	2%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi trong 9T giảm 9% do thị trường tàu chở dầu kém khả quan; phù hợp với dự báo

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của tổng EPS quý 2-quý 4/năm tài chính 2025. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.753,7	12,4
VN 30	1.983,8	8,3
VN Mid	2.276,3	-33,6
VNSmall	1.520,8	-1,8

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	258,7	-2,0
HNX30	560,1	-9,0
VNX Allshare	2.938,1	3,7

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	119,9	-0,6

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	4.277,0	19,9%
Khối ngoại mua	1.962,8	9,1%
Khối ngoại bán	3.844,5	17,9%
Tổng giao dịch	21.531,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	50,2	4,3%
Khối ngoại mua	17,6	1,5%
Khối ngoại bán	63,2	5,4%
Tổng giao dịch	1.172,8	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	162,0	29,9%
Khối ngoại mua	15,7	2,9%
Khối ngoại bán	37,3	6,9%
Tổng giao dịch	542,0	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HII	600	7,0%
FIT	360	6,9%
VIC	9.900	6,9%
BVH	3.600	6,9%
VDP	3.250	6,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PSD	1.000	6,0%
L40	5.200	5,8%
PVI	4.700	4,8%
KSF	1.200	1,6%
VFS	100	0,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KLB	111	0,7%
DRI	53	0,4%
BMS	30	0,2%
HBC	3	0,1%
G36	-28	-0,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
GEX	-1.900	-4,2%
LPB	-1.800	-3,7%
TDP	-1.100	-3,7%
CDC	-900	-3,5%
VIX	-850	-3,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSV	-6.000	-4,8%
SHS	-600	-2,8%
CEO	-700	-2,8%
IDC	-900	-2,3%
S99	-200	-2,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
FIC	-1.278	-6,6%
GTD	-2.425	-3,6%
DDV	-784	-3,0%
ANT	-1.074	-2,6%
GDA	-370	-2,1%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VPL	1.801
SSI	1.091
SHB	964
VIX	762
VIC	750

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	333
CEO	279
PVS	122
VFS	65
IDC	58

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
XMC	143
ACV	55
DDV	47
ABB	39
VGI	38

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TVB	2.414.200	63.301
SJS	1.779.746	103.147
TVS	1.431.543	102.138
SAM	10.560.665	831.896
QCG	3.494.048	366.907
FIT	9.125.087	1.202.811
VPL	16.553.555	2.389.943
TTF	5.709.113	861.575
TSC	3.310.407	568.414
FCN	3.510.743	629.271

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PSD	758.686	231.432
MBG	382.080	137.882
PVI	203.816	77.719
S99	114.118	63.569
VFS	4.243.127	2.401.636
SJE	139.070	81.854
ITQ	87.000	51.603
DXP	413.092	249.298
BVS	223.093	160.551
VCS	100.319	73.059

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DDB	646.300	100.509
DDV	1.827.945	856.480
BIG	720.701	407.645
KVC	214.943	129.782
AAH	1.196.276	723.929
G36	361.132	219.718
GDA	134.947	84.429
KLB	566.741	397.834
AMS	125.200	97.522
GPC	69.525	54.429

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.415,1		15,3	1,9	13,2
SSI	2.778,1	65,8	15,6	2,4	13,1
VIX	1.368,0	89,7	8,5	1,8	24,1
VND	1.079,8	86,6	14,7	1,4	9,7
VCI	927,8	70,5	21,3	1,9	8,8
HCM	921,7	10,4	16,3	2,3	10,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	588,6		13,0	1,7	13,7
BVH	1.565,6	21,9	15,5	1,7	11,3
PVI	904,5	42,4	19,7	2,7	14,4
BIC	169,8	3,6	7,9	1,4	18,6
VNR	154,5	22,4	8,6	1,0	11,9
PTI	148,7	62,5	13,0	1,5	12,1

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.146,6		19,8	4,3	23,8
ACV	7.323,6	45,7	18,1	2,9	16,8
GEE	3.089,0	49,8	24,5	10,9	48,1
MVN	2.093,3	0,0	32,0	4,1	13,2
VEA	1.751,6	47,4	6,0	1,5	26,9
GEX	1.475,3	41,6	18,6	2,4	14,1

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	4.331,6		21,4	5,4	24,5
MCH	8.606,5	33,5	27,8	14,2	46,8
VNM	5.034,0	51,6	15,3	3,9	26,4
MSN	4.272,5	24,4	35,5	3,3	10,5
SAB	2.588,2	40,9	15,8	3,0	18,9
PNJ	1.156,9	0,2	12,9	2,5	20,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.229,0		21,7	1,2	6,7
BSR	2.830,1	48,8	36,1	1,3	3,7
PLX	1.737,5	2,8	17,3	1,8	10,3
PVS	616,9	34,0	11,2	1,1	10,4
PVD	545,1	42,8	16,1	0,9	5,5
OIL	415,6	0,7	27,6	1,0	3,8

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.058,4		19,5	5,0	12,4
GAS	5.985,9	47,2	13,0	2,4	18,9
POW	1.314,7	45,4	18,2	1,0	5,8
REE	1.302,6	0,0	13,3	1,7	13,2
DNH	849,2	0,0	21,9	18,5	19,3
PGV	839,5	50,0	30,9	1,4	4,9

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	13.956,9		40,1	4,1	14,3
VIC	44.634,9	40,3	133,1	8,1	6,2
VHM	17.138,2	38,8	17,9	2,1	12,7
VRE	2.840,1	30,8	15,4	1,6	11,1
BCM	2.591,1	32,0	18,5	3,2	18,0
KSF	2.580,3	50,0	15,6	5,7	23,4

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.375,7		10,9	1,7	16,7
VCB	18.351,2	7,9	13,8	2,2	16,8
CTG	10.408,8	3,0	8,2	1,6	21,1
BID	9.987,5	12,4	9,9	1,6	17,3
TCB	9.192,8	0,0	11,0	1,5	14,2
VPB	8.938,2	5,6	11,4	1,5	14,0

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	4.199,6		-327,8	7,8	-35,4
VPL	7.230,9	48,9	-1.782,7	5,3	-0,3
MWG	4.761,3	1,2	21,5	4,0	19,7
VJC	4.631,8	17,8	71,3	5,0	7,8
HVN	3.357,8	20,8	7,6	15,8	-229,1
FRT	1.016,1	16,3	43,5	8,7	24,8

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	4.331,6		21,4	5,4	24,5
HPG	8.606,5	27,3	27,8	14,2	46,8
GVR	5.034,0	12,1	15,3	3,9	26,4
DGC	4.272,5	34,4	35,5	3,3	10,5
MSR	2.588,2	99,9	15,8	3,0	18,9
KSV	1.156,9	0,0	12,9	2,5	20,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.229,0		21,7	1,2	6,7
DHG	2.830,1	46,2	36,1	1,3	3,7
IMP	1.737,5	24,8	17,3	1,8	10,3
DHT	616,9	9,0	11,2	1,1	10,4
DVN	545,1	0,0	16,1	0,9	5,5
DBD	415,6	84,5	27,6	1,0	3,8

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.058,4		19,5	5,0	12,4
FPT	5.985,9	8,0	13,0	2,4	18,9
CMG	1.314,7	13,9	18,2	1,0	5,8
SAM	1.302,6	48,5	13,3	1,7	13,2
VEC	849,2	0,0	21,9	18,5	19,3
ELC	839,5	45,9	30,9	1,4	4,9

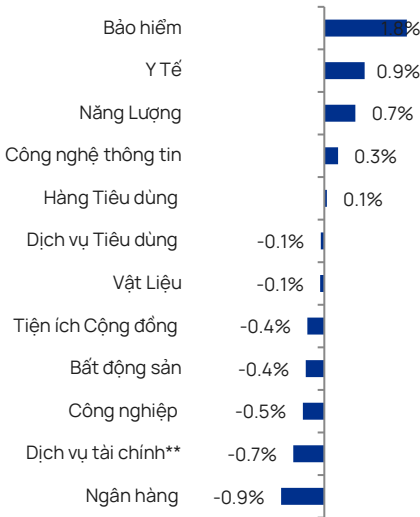
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

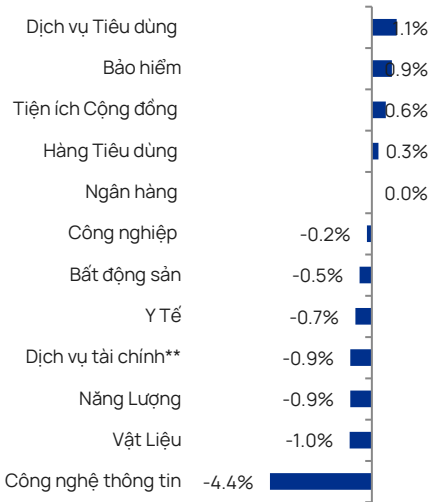
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

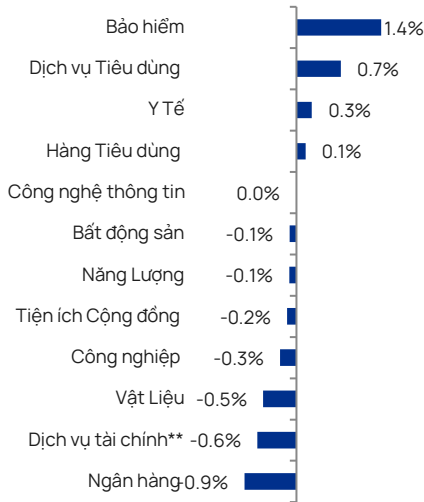
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



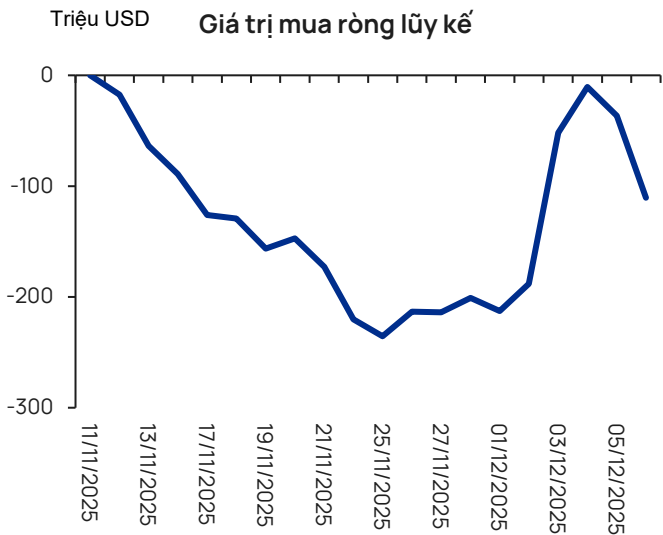
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



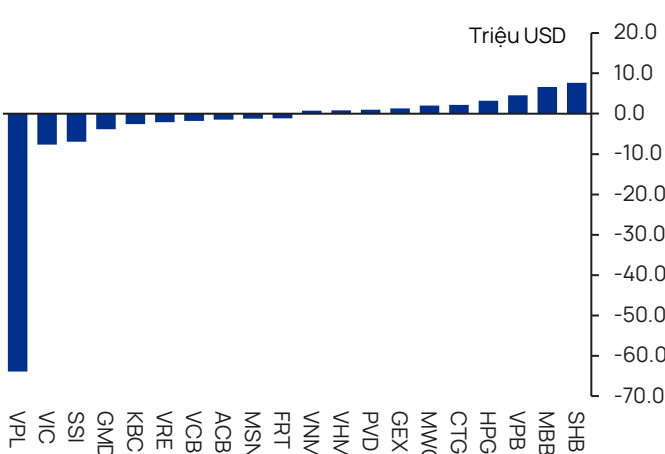
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

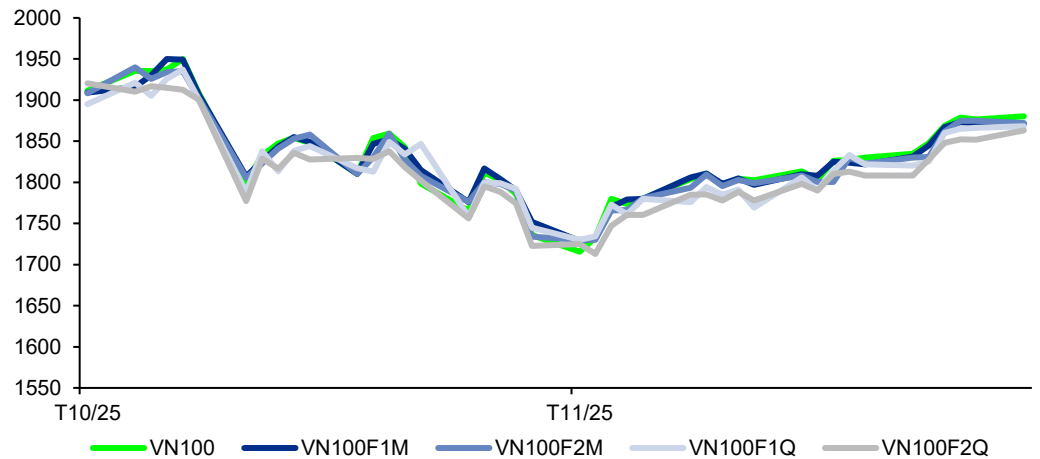
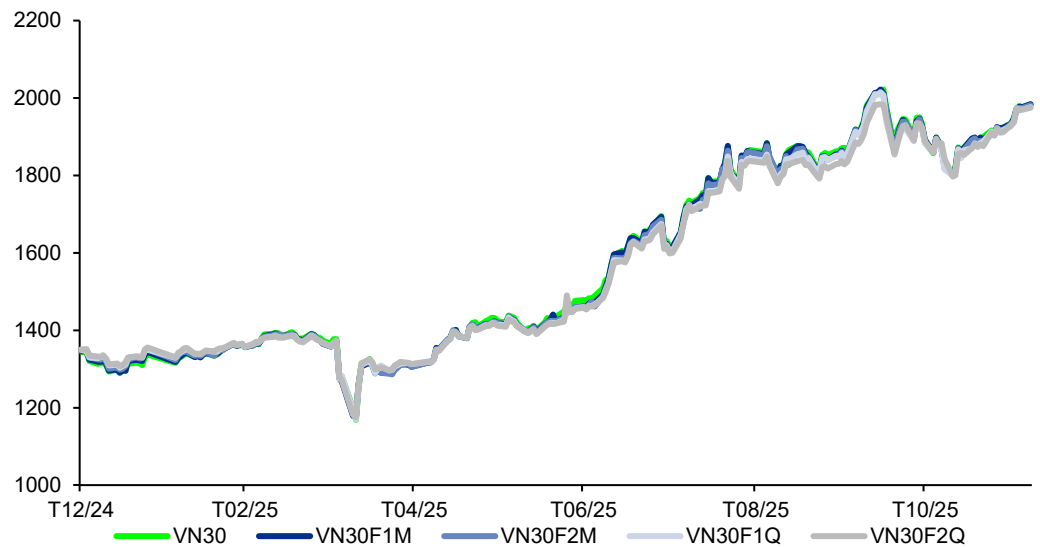


Nguồn: HSX, HNX, Fiiopro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.984,0	7,5	0,4%	0,2
VN30F2M	1.981,4	7,4	0,4%	-2,4
VN30F1Q	1.976,3	7,3	0,4%	-7,5
VN30F2Q	1.975,0	4,0	0,2%	-8,8
VN100F1M	1.871,0	-0,5	0,0%	-9,1
VN100F2M	1.872,0	-2,7	-0,1%	-8,1
VN100F1Q	1.868,2	2,1	0,1%	-11,9
VN100F2Q	1.863,0	11,0	0,6%	-17,1

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	36.791	4,6%	191,93	-3,7%
VN30F2M	1.305	25,5%	0,62	37,9%
VN30F1Q	412	0,0%	0,03	181,8%
VN30F2Q	229	0,0%	0,02	60,0%
VN100F1M	53	-3,6%	0,01	-58,8%
VN100F2M	8	-11,1%	0,01	0,0%
VN100F1Q	12	-20,0%	0,01	0,0%
VN100F2Q	24	-4,0%	0,01	66,7%

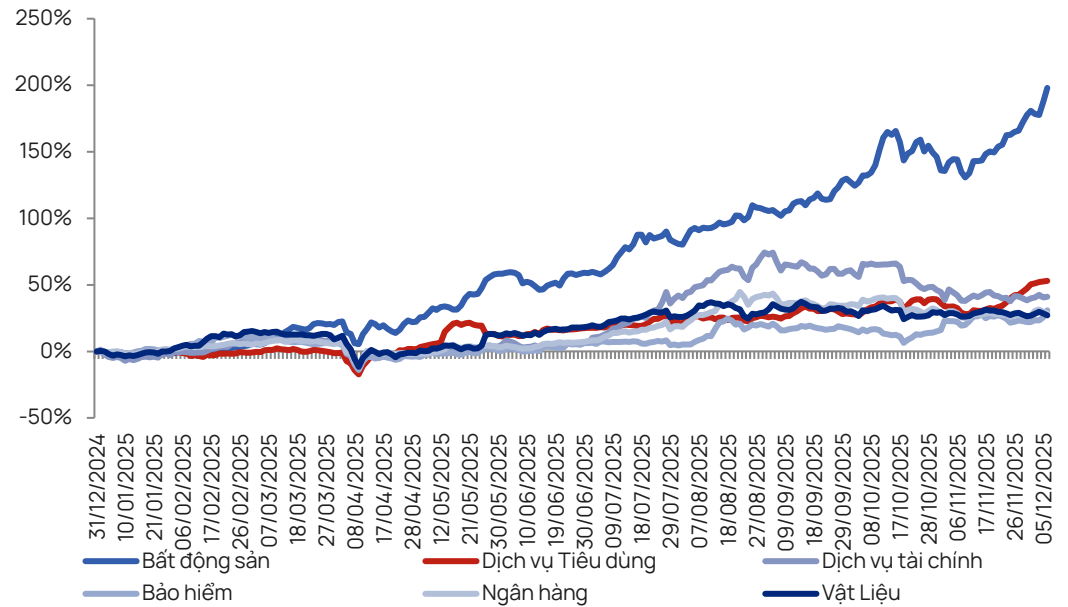


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

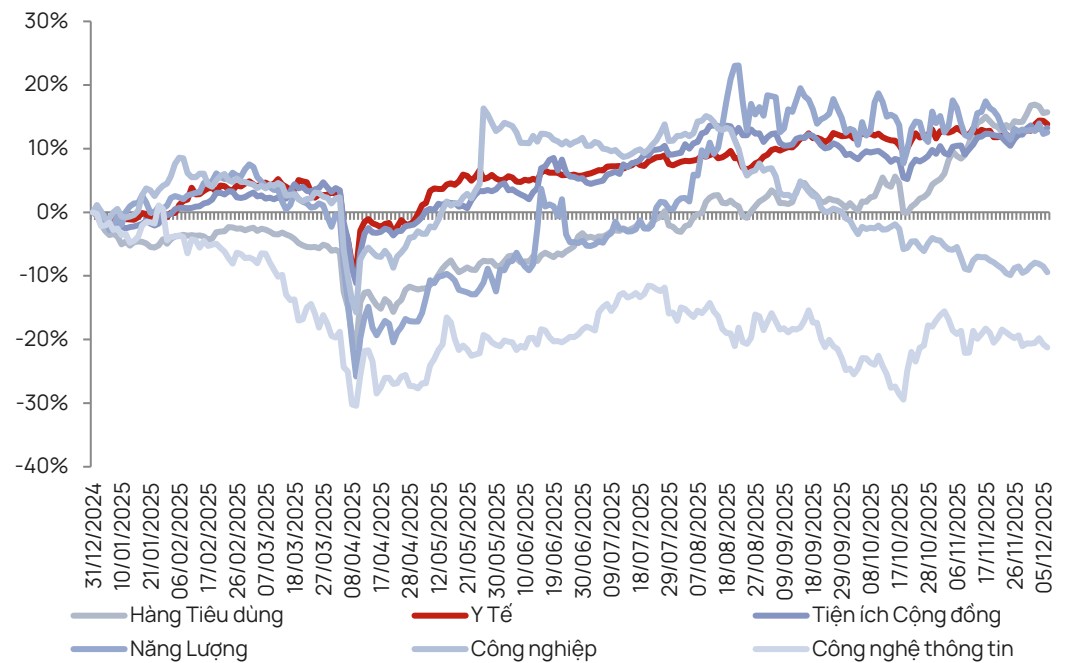
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



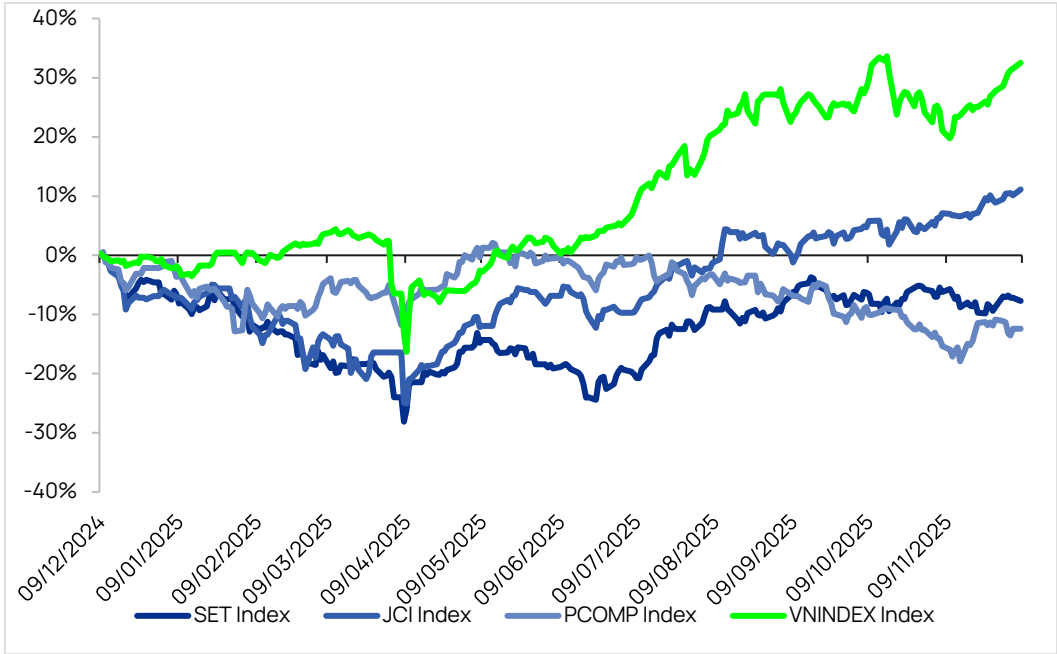
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



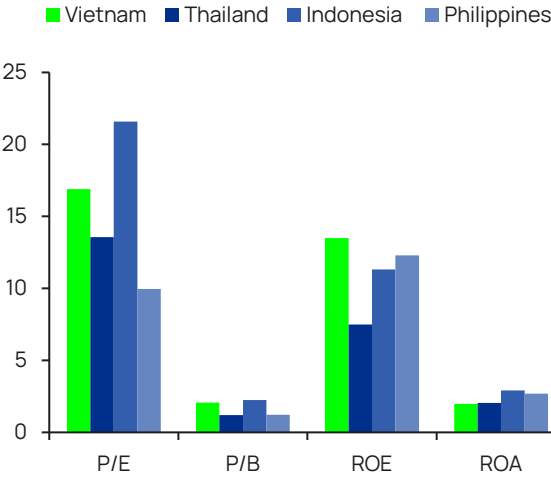
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	13,6	21,6	10,0	16,9
P/B	1,2	2,2	1,2	2,1
ROE (%)	7,5	11,3	12,3	13,5
ROA (%)	2,0	2,9	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	501,5	952,4	144,5	291,7
GTGD trung bình, tr USD	1.163,0	873,4	79,6	894,7
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-3.288,7	-1.645,8	-755,8	-4.668,4
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	74,8	156,6	(50,8)	178,0
Lợi suất TPCP 5 năm	1,34%	5,67%	5,52%	3,20%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thủy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.